

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2016/HNGĐ-ST**

Ngày 12/01/2016

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tống Quốc Thanh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Mạnh Điền**

Ông Nguyễn Tạo Giáp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - CBTA

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Bích Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 323/2015/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2015 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2015/QĐST-HN ngày 11 tháng 12 năm 2015 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2015/QĐST-HPT ngày 28/12/2015 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T - sinh năm 1980

Nghề nghiệp: Bộ đội

ĐKHKT: phường XT, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Phường M, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H - sinh năm 1987

Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng

NKTT và nơi ở: phường XT, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2015 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn- anh Nguyễn Công T trình bày:

Về tình cảm: Anh T và chị H kết hôn ngày 21/11/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường XT, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng chỉ được khoảng 3-4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế, và do suy nghĩ của anh

và chị H khác nhau. Tháng 12/2014 chị H đã viết đơn xin ly hôn anh, nhưng được sự hòa giải của hai bên gia đình nên chị H không gửi đơn ra Tòa nữa và anh chị tiếp tục chung sống với nhau bình thường. Mặc dù vậy, chị H vẫn có những lời lẽ xúc phạm đến anh, chị nói chị cảm thấy nhục nhã khi có một người chồng vừa nghèo vừa hèn như anh, và chị vô phúc mới lấy phải anh. Do chị H nhục mạ anh như vậy nên anh có tát chị H, chị H cũng đánh lại anh. Anh nhận thấy tình cảm và sự tôn trọng giữa anh và chị H không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tháng 7/2015, anh đã gửi đơn xin ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, chị H cũng đồng ý ký vào đơn ly hôn, ngay sau khi gửi đơn, anh đã chuyển đi nơi khác ở. Nhưng khi đến Tòa án, được sự hòa giải của Tòa án, anh đã rút đơn xin ly hôn để tạo điều kiện cho chị H củng cố và hàn gắn mối quan hệ nhưng sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện, chị H đã đưa con đi thuê nhà ở nơi khác không cho anh biết địa chỉ, anh chị ly thân từ tháng 7/2015 đến nay. Trong thời gian Tòa án hòa giải, anh và chị H không gặp gỡ nhau, cũng không bàn bạc biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Th, sinh ngày 12/10/2013. Hiện cháu Th đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H được nuôi cháu Th vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2016 đến khi cháu Th trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nhà ở: Hiện vợ chồng anh chị đang ở nhà thuê. Vợ chồng không có nhà nên không đề nghị Tòa án giải quyết về nhà ở.

Tại bản tự khai đề ngày 09/11/2015 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn - chị Bùi Thị H trình bày:

Chị nhất trí với lời trình bày của anh T về điều kiện kết hôn và thời điểm kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị có xảy ra một số xích mích hiểu lầm, dẫn đến to tiếng cự cãi nhau. Trong những lúc to tiếng chị có nói là thấy nhục nhã khi lấy phải một người chồng thiếu ý chí như anh T chứ không phải dùng từ vừa nghèo vừa hèn như anh T trình bày. Có lần vợ chồng cãi vã to tiếng, anh T có đánh chị và chị cũng đánh lại anh T đúng như anh T đã trình bày. Chị thừa nhận có việc chị to tiếng nặng lời với chồng nhưng không đến mức phải ly hôn. Tháng 7/2015, anh T có gửi đơn ly hôn ra Tòa, sau đó có rút đơn về để hòa giải, nhưng anh T không có động thái nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, vẫn ra ngoài ở riêng chứ không dọn về nhà ở, và cũng không hỏi han quan tâm đến vợ con. Sau khi đi khỏi nhà vào tháng 7/2015, anh T không có trách nhiệm gì với vợ con. Chị chuyển nhà đi chỗ khác ở nhưng không để lại địa chỉ nhà mới cho anh T là có lý do muốn thử tấm lòng của anh T đối với vợ con, nhưng anh T không có động thái nào chứng tỏ còn

tình cảm với vợ con, đã hơn 2 tháng nay anh không gặp con, cũng như không chu cấp gì cho chị nuôi con, con ốm cũng chỉ mình chị chăm sóc. Mặc dù vậy chị vẫn muốn anh T quay về với vợ con vì bản thân chị vẫn còn tình cảm với anh T và muốn con có cả bố lẫn mẹ, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Bùi Th, sinh ngày 12/10/2013. Hiện cháu Th đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng anh T đưa ra là không phù hợp, vì lương tháng của anh T là 7.500.000 đồng/tháng, trong khi tiền lo cho cháu Th rất tốn kém.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nhà ở: Hiện vợ chồng đang ở nhà thuê. Vợ chồng không có nhà nên không đề nghị Tòa án giải quyết về nhà ở.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Công T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Bùi Thị H.
- Chị Bùi Thị H không đồng ý ly hôn và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trên và các ý kiến trình bày trong đơn xin xem xét và hoãn thời gian xét xử ly hôn đề ngày 21/12/2015. Nếu ly hôn, anh T đề xuất cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng chị H đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Công T và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 21/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường XT, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) do vậy là hôn nhân hợp pháp. Ngày 15/10/2015 anh T có đơn xin ly hôn chị H. Yêu cầu của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án , ngày 11/12/2015 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2015/QĐST-HN ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 28/12/2015, tuy nhiên ngày 22/12/2015 Tòa án nhận được đơn xin xem xét hoãn

phiên tòa của chị Bùi Thị H gửi qua đường bưu điện nên tại phiên tòa ngày 28/12/2015 sau khi nghị bàn hội đồng xét xử đã xác định bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do. Căn cứ Điều 199, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 ngày 12/1/2016, để đảm bảo quyền, nghĩa của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự, cung cấp của hai bên gia đình và kết quả xác minh cho thấy, sau khi kết hôn anh chị về sống cùng bố mẹ chị H tại khu tập thể Tổng cục II, phường Xuân Tảo một thời gian. Sau khi chị H sinh con, anh chị ra ngoài thuê nhà ở riêng tại Xuân Tảo. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế và cách cư xử không phù hợp. Tháng 12/2014 chị H đã viết đơn xin ly hôn anh T, nhưng được sự hòa giải của 2 bên gia đình chị H không gửi đơn ra Tòa nữa. Tháng 7/2015, anh T gửi đơn ly hôn ra Tòa, sau đó rút đơn về để vợ chồng hòa giải nên tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện, chị H thừa nhận, đơn ly hôn này chị cùng ký đơn với anh T nhưng khi anh chị rút đơn về, chị đã đưa con đi thuê nhà ở nơi khác với mục đích thử xem sự quan tâm của anh Tuyên đối với hai mẹ con thế nào nhưng anh vẫn không hề tỏ ra quan tâm. Hai bên thừa nhận anh chị ly thân từ tháng 7/2015 đến nay. Vợ chồng không bàn bạc được biện pháp hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa chị H giữ quan điểm không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và muốn con có cả bố cả mẹ, tuy nhiên chị không đưa ra được giải pháp có tính thuyết phục để vợ chồng đoàn tụ còn anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin ly hôn chị H lần này là lần thứ hai, thể hiện tòa án đã tạo điều kiện và khuyến khích các bên hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên hội đồng xét xử xử cho anh chị được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình .

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Th, sinh ngày 12/10/2013. Hiện cháu Th đang ở cùng chị H. Tại phiên tòa anh chị thỏa thuận giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Th còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 01/2016 đến khi cháu Th trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác chị H cũng đồng ý. Xét thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Hai bên xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên tòa án không xét.

Về án phí: Anh T chịu án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 điều 27 khoản 1 Điều 35 khoản 4 Điều 131; Điều 243; Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Công T. Anh Nguyễn Công T được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Công T và chị Bùi Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Th, sinh ngày 12/10/2013. Giao cháu Nguyễn Bùi Th cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Công T cấp dưỡng cho chị Bùi Thị H nuôi cháu Nguyễn Bùi Th 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2016 đến khi cháu Th tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Công T phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm của người cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Công T đã nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 03371 ngày 23/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Công T còn phải nộp tiếp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND phường XT, Bắc TL, HN.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tổng Quốc Thanh